

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ O MINH**
Bản án số: 277/HS-PT
Ngày: 06-7-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ B VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ B VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ O MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Lền Trân - Thư ký tòa án.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Công Huân;
2. Ông Ngô Đức Thụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ O Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ O Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 155/2022/TLPT-HS ngày 04/4/2022, đối với bị cáo Lê Quang B và bị cáo Lê Quang A, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HS-ST, ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ O Minh.

Các bị cáo kháng cáo:

1/ Lê Quang B, sinh năm 1995; Sinh tại tỉnh G; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố D, phường E, thành phố F, tỉnh G; Nơi ở tại Nhà không số, Tổ 1, Ấp 4A, xã H, Lện I, Thành phố Hồ O Minh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa lớp 9/12; Dân tộc Kinh; Giới tính nam; Tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Lê Quang J và bà Chu Thị K; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam từ ngày 23/02/2022, có mặt

2/ Lê Quang A, sinh năm 1999, Sinh tại tỉnh G; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố D, phường E, thành phố F, tỉnh G; Nơi ở tại Nhà không số, Tổ 1, Ấp 4A, xã H, Lện I, Thành phố Hồ O Minh; Nghề nghiệp không; Trình độ văn hóa lớp 9/12; Dân tộc Kinh; Giới tính nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Lê Quang J và bà Chu Thị K; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không có; Tạm giam từ ngày 23/02/2022, có mặt

Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị:

Hà Hồng L; sinh năm 1993, tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 44/75, ấp Sơn Long, xã Sơn Định, Lện Chợ Lách, tỉnh Bến

Tre; nơi ở: Nhà không số, đường Trần Văn N, Khu phố 7, phường MA, quận C, Thành phố Hồ O Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Hồng Hải và bà Nguyễn Thị Thùy Trang; có vợ tên Phan Thị Thúy Lền, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam ngày 17/8/2021, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 28/8/2020, Lê Quang B đến bãi sắt phế liệu gần giao lộ đường Trần Văn N và Võ Trần O, thuộc Khu phố 7, phường MA, quận C của anh Trần Quang P để hỏi mua sắt bãi phế liệu đó. Qua thỏa thuận, anh Minh đồng ý bán với giá 7.550 đồng/kg, còn sắt sẽ được bốc lên xe tải chở đến Trạm cân Số 8 gần đó cân trọng lượng, để thanh toán tiền. Theo cách thức mua bán đó, B nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Minh bằng cách ghi giảm trọng lượng trên phiếu cân so với thực tế để hưởng phần chênh lệch. B về nói cho em ruột là Lê Quang A biết và kêu A liên lạc với người trực tiếp cân tại Trạm cân Số 8 là Hà Hồng L đặt vấn đề: Cứ ghi giảm trọng lượng trên phiếu cân được 1.000kg thì sẽ trả công cho L 1.000.000 đồng và khi nào xe chở sắt phế liệu vào cân thì phía B nhắn tin qua điện thoại di động cho L biết trước số cân cần ghi giảm, cùng với biển số xe để L nhập số liệu đó vào máy và in ra phiếu cân cho B, để B thanh toán tiền với người bán. Sau đó, A đến gặp trực tiếp L để thỏa thuận và xin số điện thoại thì được L đồng ý, riêng số trọng lượng sắt mỗi lần ghi giảm so với thực tế, L sẽ thông báo cho phía B biết sau để tính tiền. Bằng thủ đoạn gian dối đó, B, A và L đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản anh Trần Quang P cụ thể như sau:

- Vào khoảng 13 giờ ngày 29/8/2020, B thuê xe ô tô tải biển số 51D-506.05 (không rõ lai lịch người lái xe), chở sắt phế liệu mua của anh Minh đến Trạm cân Số 8 để cân. Trọng lượng hàng hóa (Sắt) thực tế là 12.450kg, nhưng L chỉ nhập số vào máy để in trên phiếu cân theo yêu cầu của B chỉ có 8.880kg, chênh lệch 3.570kg.

- Vào khoảng 19 giờ ngày 29/8/2020, B thuê xe ô tô tải biển số 51D-496.40 của lái xe anh Đỗ Đức Chiến, chở sắt phế liệu mua của anh Minh đến Trạm cân Số 8 để cân. Trọng lượng hàng hóa (Sắt) thực tế là 25.020kg, nhưng L chỉ nhập số để in trên phiếu cân theo yêu cầu của B chỉ có 9.430kg, chênh lệch 15.590kg.

- Vào khoảng 10 giờ ngày 30/8/2020, B thuê xe ô tô tải biển số 51D-496.40 của lái xe anh Đỗ Đức Chiến, chở sắt phế liệu mua của anh Minh đến Trạm cân Số 8 để cân. Trọng lượng hàng hóa (Sắt) thực tế là 32.110kg, nhưng L chỉ nhập số để in trên phiếu cân theo yêu cầu của B chỉ có 12.320kg, chênh lệch 19.790kg.

- Vào khoảng 13 giờ ngày 30/8/2020, B thuê xe ô tô tải biển số 51D-641.22 (không rõ lái xe), chở sắt phế liệu mua của anh Minh đến Trạm cân Số 8 để cân. Trọng lượng hàng hóa (Sắt) thực tế là 12.780kg, nhưng L chỉ nhập số để in trên phiếu cân theo yêu cầu của B chỉ có 7.200kg, chênh lệch 5.580kg.

- Vào khoảng 09 giờ ngày 31/8/2020, B thuê xe ô tô tải biển số 51D-496.40 của lái xe anh Đỗ Đức Chiến, chở sắt phế liệu mua của anh Minh đến Trạm cân Số 8 để cân. Trọng lượng hàng hóa (Sắt) thực tế là 37.600kg, nhưng L chỉ nhập số để in trên phiếu cân theo yêu cầu của B chỉ có 14.230kg. Anh Minh nghi ngờ cân không đúng nên đưa xe chở sắt đến trạm cân khác để cân lại thì trọng lượng hàng hóa là 37.600kg, cao hơn so với trọng lượng ban đầu là 23.370kg. Lúc này, B bỏ chạy, còn anh Minh giữ xe hàng lại và trình báo cho Công an phường MA, quận C.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HSST, ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ O Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Quang B 11 (Mười một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam

Xử phạt bị cáo Lê Quang A 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Xử phạt bị cáo Hà Hồng L 10 (Mười) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, tuyên B vụ nộp án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/3/2022 bị cáo Lê Quang B và bị cáo Lê Quang A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Quang B và Lê Quang A khai nhận đã thực hiện những hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu. Các bị cáo giữ A yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ O Minh phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau:

-Cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử các bị cáo Lê Quang B và Lê Quang A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng pháp luật.

-Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và được bị hại bãi nại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo

thành khăn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác lần chở hàng sau cùng các bị cáo có hành vi ghi giảm số cân để chiếm đoạt 23.370kg sắt của bị hại nhưng chưa chiếm đoạt được. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Quang B 11 năm 6 tháng tù, xử phạt Lê Quang A 10 năm 6 tháng tù là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo B và bị cáo A.

-Đối với bị cáo Hà Hồng L tuy không kháng cáo, nhưng mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử giảm án cho Hà Hồng L.

-Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Lê Quang B từ 9 năm đến 10 năm tù, xử phạt bị cáo Lê Quang A từ 7 năm đến 8 năm tù và xử phạt bị cáo Hà Hồng L từ 8 năm đến 9 năm tù.

Các bị cáo không tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát và trong lời nói sau cùng đều đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ O Minh nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và những chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập, có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ để xác định: Sau khi thỏa thuận giá cả mua bán, phương thức giao nhận và phương thức cân đo hàng với anh Trần Quang P thì bị cáo Lê Quang B nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Minh bằng thủ đoạn gian dối, ghi giảm trọng lượng trên phiếu cân so với thực tế. Để thực hiện mục đích chiếm đoạt mà không bị anh Minh phát hiện, bị cáo B và em ruột là bị cáo Lê Quang A liên hệ với bị cáo Hà Hồng L là người trực tiếp cân hàng tại Trạm cân Số 8, đường Trần Văn N, quận C đặt vấn đề với L là cứ ghi giảm trọng lượng trên phiếu cân được 1.000kg thì bị cáo L được hưởng 1.000.000 đồng và bị cáo L đồng ý. Bằng thủ đoạn gian dối đó, bị cáo B và đồng phạm đã ghi giảm 4 lượt xe chở hàng, chiếm đoạt được của anh Minh 44.530 kg sắt phế liệu, qui ra tiền theo định giá định giá 7.200 đồng/kg là 320.061.000 đồng. Riêng cLên xe cuối cùng bị cáo B yêu cầu bị cáo L ghi giảm 23.470 kg để chiếm đoạt, tương ứng với số tiền 168.984.000 đồng, nhưng cLên hàng này bị anh Minh nghi ngờ, yêu cầu đưa đến trạm cân khác để cân thì bị cáo B bỏ chạy nên chưa chiếm đoạt được. Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm a

khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử và kết tội các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi tội phạm bị phát hiện, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; được bị hại bãi nại, các bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Cấp sơ thẩm căn cứ vào số lượt xe mà bị cáo B đưa đến để chở hàng, căn cứ vào giá trị tài sản mà bị cáo B chiếm đoạt của bị hại trong mỗi cLên xe chở hàng để nhận định “Phạm tội từ hai lần trở lên” và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là không Onh xác, gây bất lợi cho các bị cáo. Bởi theo lời khai của anh Trần Quang P thì bị cáo Lê Quang B đến hỏi mua trọn bãi sắt phế liệu của anh với giá 7550 đồng/kg, với phương thức bị cáo B đem xe đến chở hàng và thanh toán tiền từng cLên theo phiếu cân hàng. Do đó, mặc dù bị cáo B đưa phương tiện đến chở hàng tổng cộng là 5 cLên, cLên xe nào bị cáo cũng ghi giảm trọng lượng để chiếm đoạt tài sản của anh Minh và giá trị tài sản chiếm đoạt một lần chở hàng đủ định lượng cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng trong trường hợp này không được xem bị cáo phạm tội từ 2 lần trở lên.

Bị cáo Lê Quang B đã đưa 5 cLên xe đến chở sắt phế liệu đã hỏi mua của anh Trần Quang Minh, trong đó có 4 cLên bị cáo B đã chiếm đoạt trót lọt tổng cộng là 44.530 kg sắt, tương ứng với số tiền 320.061.000 đồng. CLên thứ 5 các bị cáo mới thực hiện hành vi gian dối ghi giảm trọng lượng, nhằm chiếm đoạt 23.470kg sắt của anh Minh, tương ứng với số tiền 168.984.000 đồng, nhưng bị cáo B chưa chiếm đoạt được khối lượng sắt trên, do anh Minh yêu cần đến trạm cân khác cân lại. Cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo chiếm đoạt tổng cộng 67.900kg sắt phế liệu của anh Minh, qui ra tiền theo giá định giá là 488.880.000 đồng và lấy định lượng này để quyết định hình phạt cho các bị cáo là không Onh xác, gây bất lợi cho các bị cáo.

Do đó, mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới, nhưng Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Quang B và bị cáo Lê Quang A, giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo này cho tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và tương xứng với các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng.

[5] Bị cáo Hà Hồng L tuy không kháng cáo, nhưng xét thấy vai trò của bị

cáo trong vụ án chỉ là người giúp sức cho bị cáo B, do bị cáo B rủ rê, lôi kéo. Số tiền mà bị cáo L nhận được từ bị cáo B chỉ có 25.000.000 đồng, là rất nhỏ so với giá trị tài sản mà bị cáo B chiếm đoạt của bị hại, sau khi tội phạm bị phát hiện bị cáo đã tự giác trả tiền lại cho bị hại. Bị cáo cũng có những tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và không phải áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ 2 lần trở lên”. Do đó, cần phải giảm án cho bị cáo L và mức án áp dụng cho bị cáo này phải cao hơn mức án áp dụng cho bị cáo A là phù hợp.

[5] Về án phí: Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 và Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 11/2022/HSST, ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ O Minh.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo **Lê Quang B** 8 (Tám) năm 6 (Sáu) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2022.

- Xử phạt bị cáo **Hà Hồng L** 7 (Bảy) năm 6 (Sáu) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2021.

- Xử phạt bị cáo **Lê Quang A** 7 (Bảy) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2022.

Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Lê Quang B và Lê Quang A không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và không được xem xét trong bản án phúc thẩm này, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 6; (1)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (2)
- THA quận C; (1)
- TAND quận C (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, tòa hình sự, hồ sơ (20) (4)

Nguyễn Văn Hậu